TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THIỆU HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22 /2017/HNGĐ - ST
Ngày: 09/08/2017
V/v: *"Tranh chấp chia tài sản, công nợ chung sau ly hôn"*

NHÂN DANH
N□ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HOÁ

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông: **Lê Văn Quân**

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Thúy**
2. Ông **Trần Công Lâm**

Th□ ký toà án ghi biên bản phiên toà: Bà: Lê Thị Thủy — Th- ký tòa án TAND huyện Thiệu Hóa.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hoa tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Thị Hạnh — Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 08 năm 2017 tại trụ sở TAND huyện Thiệu Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2017/TLST - DS ngày 16/03/2017 về việc: *"Tranh chấp chia tài sản, công nợ chung sau khi ly hôn*". Theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 19 /2017/QĐXX - ST ngày 03/07 /2017 và giữa các đ- ơng sự:

Nguyên đơn: Anh Hoàng Đình T, Sinh năm 1967.
Trú tại: Thôn Quan T II, xã Thiệu T, Thiệu Hóa, Thanh Hoá.
Bị đơn: Chị Ngô Thị L, Sinh năm 1974.(vắng mặt)
Trú tại: Thôn Quan T II, xã Thiệu T, huyện Thiệu Hóa, Thanh Hoá.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
1. Chị Phạm Thị N, Sinh năm 1977.
Trú tại: Thôn Quan T 2, xã Thiệu Tiến, huyện Thiệu Hóa.

Người được ủy quyền tham gia tố tụng là anh Hoàng Đình T, Sinh năm 1971.
Trú tại: Thôn Quan T 2, xã Thiệu Tiến, huyện Thiệu Hóa.
2. Chị Hoàng Thị Th, Sinh năm 1964. (vắng mặt)
Trú tại**:** Thôn Quan T 3, xã Thiệu Tiến, Thiệu Hóa.
3. Anh Phạm Công D, Sinh năm 1962.
Trú tại**:** Thôn Quan T 3, xã Thiệu Tiến, huyện Thiệu Hóa.
4. Anh Hoàng Xuân T. Sinh năm 1961.
Trú tại: Thôn Quan T 2, xã Thiệu Tiến Thiệu Hóa.
5. Anh Nguyễn Thế H, Sinh năm 1964.
Trú tại:Thôn QuanT 3, xã ThiệuTiến, huyện Thiệu Hóa.
6. Anh Hoàng Đình S, Sinh năm 1973.
Trú tại: Thôn Quan T 3, xã Thiệu Tiến, Thiệu Hóa.
Người được ủy quyền tham gia tố tụng là bà Phạm Thị V, Sinh năm 1980
Trú tại: Thôn Quan T 3, xã Thiệu Tiến, Thiệu Hóa.
7. Anh Thiều Đình T, Sinh năm 1983. (vắng mặt)
Trú tại: Thôn Quan T 2, xã Thiệu Tiến, huyện Thiệu Hóa.
8. Ông Phạm Đình C, Sinh năm 1953. (vắng mặt)
Trú tại: Thôn Quan T 2, xã Thiệu Tiến, huyện Thiệu Hóa.
9. Anh Hoàng Văn K, Sinh năm 1972.
Trú tại: Thôn Quan T 2, xã Thiệu Tiến, huyện Thiệu Hóa.
10. Hoàng Đình T (con trai anh T) Sinh năm 1995. (vắng mặt)
Trú tại: Thôn Quan T II, xã Thiệu Tiến, Thiệu Hóa, Thanh Hoá.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn
Ông: Lê khắc H, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/12/2015 và đ- ợc bổ sung bằng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án anh Hoàng Đình T và chị Ngô Thị L trình bày:

Anh Hoàng Đình T và chị Ngô Thị L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương, đăng ký kết hôn ngày 03-01-1994 tại UBND xã Thiệu Tiến, Thiệu Hóa. Quá trình chung sống vợ chồng sống không hòa thuận và đã ly hôn năm 2016. Anh chị thống nhất trong quá trình chung sống anh chị có tạo lập được tài sản như sau:

Nhà cùng công trình phụ làm trên diện tích đất là 168m^2 tại thửa 722, tờ bàn đồ số 08, trị giá đất anh chị thống nhất là 500.000đ/1m^2 bằng 84.000.0000đ.
- 01 nhà 2 tầng xây kiên cố bằng xi măng cốt thép anh chị thống nhất trị giá còn lại là: 183.500.000đ.

- Nhà bếp giá trị còn lại là 20.000.000đ
- Nhà tắm, công trình vệ sinh giá trị còn lại là: 12.000.000đ
-Mái bình trước nhà giá trị còn lại là 8.500.000đ
-Chuồng lợn giá trị còn lại là 7.500.000đ.

Ngoài ra anh T yêu cầu xem xét trích phần công sức đóng góp trong khối tài sản chung của anh T, chị L cụ thể: Công trình phụ do cháu Hoàng Đình T bỏ tiền đứng ra xây dựng gồm: nhà tắm, nhà vệ sinh, lợp tôn bán bình trước nhà, lợp tôn khu bếp, sân sau trị giá 43.230.000đ.

Nay anh T đề nghị tòa án giải quyết chia đôi khối tài sản chung nêu trên mỗi người sở hữu một nửa nhà và đất. Công trình phụ do cháu Hoàng Đình T bỏ tiền đứng ra xây dựng trị giá 43.230.000đ. Đề nghị Tòa án xem xét trích trong khối tài sản chung của anh và chị L thanh toán cho cháu T.

Ngoài tài sản trên anh T trình bày quá trình vợ chồng chung sống anh và chị L còn nợ những khoản nợ sau:

1. Ngày 06-04-2012 anh và chị L vay chị Phạm Thị N (là em dâu), Thôn Quang T 2 xã Thiệu Tiến số tiền là 15.000.000đồng, lãi suất 0,65% tháng. Vay để làm nhà, Đã trả lãi cho chị N được 10 tháng. Chưa trả lãi từ tháng 02 năm 2013 đến ngày khởi kiện 31/12/2015 là 34 tháng, tiền lãi là: 3.313.500đ. Cộng gốc và lãi = 18.313.500đ. Chốt cả gốc và lãi đến tháng 9/2016 số tiền nợ là: 19.290.000đ.(Tiền lãi sau tháng 9/2016 chị không yêu cầu anh T, chị L trả nữa).

2. Vay chị Hoàng Thị T (em gái anh T) ở thôn Quang T 3, xã Thiệu Tiến, Thiệu Hóa hai khoản, vay để làm nhà, cụ thể:

- Ngày 06-04-2012 vay 15.000.000đồng. lãi suất 0,65% tháng. Đã trả lãi cho chị T được 10 tháng. Chưa trả lãi từ tháng 02 năm 2013 đến ngày khởi kiện 31/12/2015 là 34 tháng, tiền lãi là: 3.313.500đ. Cộng gốc và lãi = 18.313.500đ. Cũng trong tháng 4 - 2012 vợ chồng vay thêm của chị T 08 chỉ vàng (vay không tính lãi) trị giá = 24.000.000đ.

Tổng cộng nợ gốc và lãi đến ngày 30/06/2016 nợ chị Hoàng Thị T là 42.313.500đ.

3. Vay, nợ anh Phạm Công D, Thôn Quang T 3 - Thiệu Tiến, hai khoản cụ thể như sau:

- Ngày 07-01-2011 vay số tiền là 35.000.000 đồng, lãi suất 1%/tháng, vay để làm nhà. Đã trả lãi cho anh D được 47 tháng. Chưa trả lãi từ tháng 12 năm 2013 đến ngày khởi kiện 31/12/2015 là 24 tháng, tiền lãi là 8.400.000đ . Cộng gốc và lãi = 43.400.000đ
- Ngày 08-12-2011 anh T, chị L nhờ anh D mua dây điện và tiền công thuê lắp đặt đường điện trong nhà mới với số tiền là 7.880.000 đồng (không tính lãi).

Tổng cộng nợ gốc và lãi anh Phạm Công D đến ngày 30/06/2016 số tiền 55.415.000đ. Các khoản lãi từ sau ngày 30/09/2016 anh không yêu cầu nữa.

4. Vay của anh Hoàng Xuân T(anh trai anh T) ở Thôn Quang Trung 2, xã Thiệu Tiến Thiệu Hóa ba khoản, cụ thể:

- Tháng 5-2009 vay số tiền 40.000.000đồng, lãi suất 0.65%/tháng, Vay vốn làm thợ mộc. Đã trả lãi cho anh T được 36 tháng. Chưa trả lãi từ tháng 06 năm 2012 đến ngày khởi kiện 31/12/2015 là 42 tháng, tiền lãi là 10.920.000đ. Cộng gốc và lãi = 50.920.000đ.
- Ngày 08/11/2011 vay tiếp anh T số tiền là 23.000.000 vay để làm nhà (vay không lãi)
- Tháng 2-2012 vay tiếp anh T 20.000.000, lãi suất 0.65%/ tháng vay để làm nhà. Đã trả lãi cho anh T được 12 tháng. Chưa trả lãi từ tháng 03 năm 2013 đến ngày khởi kiện 31/12/2015 là 31 tháng, tiền lãi là 4.030.000đ .Cộng gốc và lãi = 24.030.000đ

Tổng công nợ gốc và lãi tính đến ngày 30/09/2016 nợ của ông Hoàng Đình T số tiền là: 104.190.000đ (Tiền lãi sau ngày 30/09/2016 đến nay anh không yêu cầu tính nữa)

5. Đang còn nợ anh Hoàng Văn K (chú thím họ) ở Thôn Quang T 3, xã Thiệu Tiến, huyện Thiệu Hóa tiền nguyên vật liệu làm lán năm 2009 là 16.100.000đ; Tiền vật liệu xây dựng để làm nhà năm 2011 và năm 2012 số tiền là 30.900.000đ, Tổng số tiền còn nợ anh K là 47.000.000đ.

6. Vay của anh Hoàng Đình S (em trai Anh T) ở thôn Quang T 3, xã Thiệu Tiến, Thiệu Hóa ba khoản, cụ thể:

- Ngày 08-10-2009 vay 20.000.000đồng lãi suất 0.65%/tháng. vay để mua đất làm nhà, Đã trả lãi cho anh S được 36 tháng. Chưa trả lãi từ tháng 11 năm 2012 đến ngày khởi kiện 31/12/2015 là 37 tháng, tiền lãi là 4.810.000đ

Cộng gốc và lãi = 24.810.000đ

- Tháng 5-2010 vợ chồng vay 30.000.000đồng làm vốn mua gỗ đóng bàn ghế, giường kinh doanh Không lãi; Ngày 15-12-2011 vay tiếp 49.000.000 với lãi suất 0.65%/tháng, vay để làm nhà. Đã trả lãi cho anh Sự được 24 tháng. Chưa trả lãi từ tháng 01 năm 2014 đến ngày khởi kiện 31/12/2015 là 23 tháng, tiền lãi là 7.325.500đ

Cộng gốc và lãi = 56.325.500đ

Tổng nợ gốc và lãi tính đến ngày 30/09/2016 nợ của ông Hoàng Đình S số tiền là: 116.472.000đ

7. Tháng 10-2008 vay anh Thiều Đình T cháu ruột ở thôn Quang T2 Thiệu Tiến. Thiệu Hóa) 02 chỉ vàng trị giá = 6.000.000đ. vay để làm nhà, Không lãi.

8. Ngày 30-9-2011 vay của anh Phạm Đình C (hàng xóm ở thôn Quang T 2 – Thiệu Tiến) só tiền 25.000.000đồng, lãi suất 1%/tháng, vay để làm nhà. Đã trả lãi cho anh C được 6 tháng. Chưa trả lãi từ tháng 4 năm 2012 đến ngày khởi kiện 31/12/2015 là 42 tháng, tiền lãi là 10.500.000đ

Cộng gốc và lãi tính đến tháng 9/2016 là: 45.250.000đ.

9. Nợ tiền vật liệu đá học, đá 1-2 và công vận chuyển của Anh Nguyễn Thế H, ở Thôn Quang T 3 - Thiệu Tiến, số tiền là 25.000.000 đồng

Tổng công nợ của anh và chị L là: 460.930.500đ

Toàn bộ số tiền cả hai vơ chồng đứng ra vay dùng để làm vốn kinh doanh và xây dựng nhà bằng 2 tầng.

Nay anh đề nghị chia đôi khoản nợ chung của anh và chị L trong thời gian vợ chồng còn nợ cho mỗi người phải chịu trách nhiệm trả nợ một nửa.

*Tại bản tự khai ngày 25/04/2017, hòa giải, đối chất và tại phiên tòa cùng các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án chị Ngô Thị L trình bày:

Chị và anh Hoàng Đình Th kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương, đăng ký kết hôn ngày 03-01-1994 tại UBND xã Thiệu Tiến, Thiệu Hóa. Quá trình chung sống vợ chồng không hòa thuận hạnh phúc nên vợ chồng đã ly hôn từ năm 2016. Trong quá trình vợ chồng chung sống có tạo lập được các tài sản như anh T trình bày là đúng.

Về công nợ chị trình bày: Giữa chị với anh T không cùng vay nợ ai, các khoản nợ của gia đình là nhỏ và đã bán lợn trả hết lâu rồi còn các khoản nợ anh Thành nại ra tại phiên tòa trước và tại vụ án này chị hoàn toàn không biết, chị không đi vay, không nhận tiền, không ký giấy vay nợ với các chủ nợ như anh T trình bày; Tiền mua đất và làm nhà vợ chồng tự tích góp được trong quá trình hôn nhân để làm. Các khoản nợ anh T đi vay tiêu như thế nào anh T tự có trách nhiệm trả, chị không có liên quan, không đồng ý có trách nhiệm trả chung cùng anh T. Nay chị không mong muốn chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân mà muốn để lại cho các con sau này. Nếu buộc phải chia tài sản chung của vợ chồng chị đề nghị Tòa án chia cho chị đất và nhà từ phòng khách trở ra đường liên xã.

Ý kiến của anh Hoàng Đình T (con trai anh T, chị L) trình bày:

-Tháng 8-2014 anh bỏ tiền đứng ra xây dựng công trình phụ gồm nhà vệ sinh, nhà tắm, lợp tôn bán bình trước nhà và bếp của gia đình. Công trình làm hết 43.230.000đ. công sức này anh đóng góp trong khối tài sản của bố mẹ anh là chị L, anh T. Bố mẹ phải chia tài sản chung, công sức đóng góp của anh nêu trên, anh cho bố là Hoàng Đình T được toàn quyền sở hữu.

Tài sản chung của anh T, chị L ngày 01 tháng 9 năm 2016 Hội đồng định giá đã định giá kết luận như sau:
- Nhà bằng 2 tầng trị giá: 183.300.000đ,
- Nhà bếp trị giá: 20.000.000đ
- Chuồng lợn trị giá:7.500.000đ
- Bán bình trị giá: 8.500.000đ
- Đất ở 168m^2 tại thửa 722, tờ bàn đồ số 08, trị giá 83.700.000đ.

Tổng cộng trị giá: 315.500.000đ. Tại đơn trình bày nguyện vọng ngày 10/06/2017 của anh T, chị L thống nhất giá trị tài sản và hiện trạng nhà đất như Hội đồng định giá đã định giá ngày 01/09/2016 và không yêu cầu định giá lại tài sản.

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các phiên hòa giải, đối chất những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã cho anh T, chị L vay, nợ trình bày:

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người đại diện theo ủy quyền cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là án: Anh Hoàng Đình T, chị Hoàng Thị T, anh Phạm Công D, anh Hoàng Xuân T, anh Hoàng Văn K, chị Phạm Thị V, anh Nguyễn Thế H, ông Phạm Đình C, anh Thiều Đình T thống nhất với lời khai của anh T về thời điểm vay tiền, điều kiện vay tiền, mục đích vay tiền, số tiền nợ lãi, nợ gốc như anh Thành trình bày trên là đúng. Này anh T, chị L chia tài sản, công nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, anh T, anh D, chị T, anh T, anh K, chị V, anh H, ông C, anh T đều đề nghị tòa án buộc anh T, chị L phải có trách nhiệm trả chung số tiền nợ như anh T trình bày trên.

Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

1.Anh Hoàng Đình T (là người được chị N ủy quyền) trình bày: Ngày 06-04-2012 vợ chồng anh T, chị L vay gia đình anh số tiền là 15.000.000 đồng, với lãi suất 0,65% tháng. Đã trả lãi cho gia đình anh được 10 tháng. Chưa trả lãi từ tháng 02 năm 2013 đến 30/9/2016 là 44 tháng. Đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh T, chị L trả số tiền gốc 15.000.000đ đã vay và tiền lãi chưa trả tính từ tháng 02 năm 2013 đến nay 30/9/2016 là 44 tháng = 4.290.000đ. Cộng gốc và lãi là: 19.290.000đ. Nay anh vẫn yêu cầu anh T và chị L có trách nhiệm trả cho anh số tiền trên.

2. Anh Phạm Công D trình bày:

Ngày 07-1-2011 anh T, chị L vay của gia đình anh số tiền là 35.000.000đ, lãi suất 1%/tháng. Đã trả lãi cho anh được 47 tháng. Chưa trả lãi từ tháng 12 năm 2013 đến ngày nay 31/12/2015 là 24 tháng, tiền lãi = 8.400.000đ

Cộng gốc và lãi là: 43.400.000đ

- Ngày 8-12-2011 vợ chồng anh T, chị L nhờ anh mua dây điện và thuê lắp đặt đường điện hết số tiền là 7.880.000 đồng**.**

Tổng cộng tính đến ngày 30/9/2016 số nợ gốc và lãi là 55.415.000đ . Nay anh đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh T, chị L phải thanh toán số tiền nợ trên cho anh.

3. Anh Hoàng Xuân T (anh trai anh T) trình bày:

Vợ chồng anh T, chị L vay của gia đình anh như sau:

Lần 1, Vào tháng 5-2009 vợ chồng anh T, L vay số tiền 40.000.000đ, lãi suất 0.65%/tháng, Vay lấy vốn làm thợ mộc. Đã trả lãi cho anh được 36 tháng. Chưa trả lãi từ tháng 06 năm 2012 đến ngày 31/12/2015 là 42 tháng, tiền lãi là 10.920.000đ. Cộng gốc và lãi chưa trả là: 50.920.000đ.

Lần 2, vào ngày 8/10/2011vợ chồng anh T, chị L vay tiếp số tiền là 23.000.000đ vay để làm nhà, không lãi xuất.

Lần 3, Tháng 2-2012 anh T, chị L vay Tiếp 20.000.000đ, lãi suất 0.65%/tháng vay để làm nhà. đã trả lãi cho anh được 12 tháng. Chưa trả lãi từ tháng 03 năm 2013 đến ngày 31/12/2015 là 31 tháng, tiền lãi = 4.030.000đ. Cộng gốc và lãi là: 24.030.000đ.

Như vậy hiện tại vợ chồng T, L đang còn nợ anh tổng cả tiền gốc và tiền lãi anh tính đến ngày 30/9/2016 là 104.190.000đ. Anh đề nghị Tòa án giải
quyết buộc anh T, chị L phải thanh toán số tiền nợ trên cho anh.

4. Anh Hoàng Văn K trình bày:

Gia đình anh T, chị L nợ anh tiền vật liệu xây dựng gạch, đá, cát và vận chuyển:cụ thể như sau:

Năm 2009 anh T, chị L còn nợ anh tiền vật liệu làm lán. là 16.100.000đ, năm 2011 + năm 2012 nợ anh tiền vật liệu xây dựng gạch, đá, cát làm nhà và tiền vận chuyển với số tiền là 30.900.000đ.

Tổng cả ba năm anh T, chị L nợ anh số tiền là 47.000.000đ.

Nay anh T, chị L chia tài sản chung anh đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh T, chị L phải có trách nhiệm thanh toán số tiền trên cho gia đình anh

5. Chị Phạm Thị V trình bày:

Anh T, chị L đã vay gia đình chị 3 lần như sau:

Lần 1, vào ngày 08-10-2009 vợ chồng anh T, chị L vay của gia đình chị số tiền là 20.000.000đ lãi suất 0.65%/tháng. Đã trả lãi được 36 tháng. Chưa trả lãi từ tháng 11 năm 2012 đến 30/9/2016 là 56 tháng, tiền lãi = 7.280.000đ

Cộng gốc và lãi là: 27.280.000đ .

Lần 2, vào tháng 5-2010 vợ chồng anh T, chị L vay 30.000.000đ làm vốn mua gỗ đóng bàn ghế, giường kinh doanh vay không lãi.

Lần thứ 3 vào ngày 15-12-2011vợ chồng anh T, chị L vay tiếp 49.000.000 với lãi suất 0.65%/tháng, vay để làm nhà. Đã trả lãi cho được 24 tháng. Chưa trả lãi từ tháng 01 năm 2014 đến 30/9/2016 là 32 tháng, tiền lãi = 10.192.000đ. Cộng gốc và lãi là: 59.192.000đ

Tổng cộng hiện tại vợ chồng anh T, chị L đang nợ gia đình chị số tiền gốc và lãi tính đến ngày 30/9/2016 là: 116.472.000đ. Chị đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh T, chị L phải thanh toán số tiền nợ trên cho chị.

6.Anh Nguyễn Thế H trình bày:

Năm 2011 và năm 2012 vợ chồng anh Th, chị L có nhờ anh mua và vận chuyển vật liệu gồm đá 1+ 2 và đá hộc. Tổng cộng là 25.000.000đ đến nay anh T, chị L chưa thanh toán cho anh được đồng nào.

Nay anh T, chị L chia tài sản chung anh đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh T, chị L phải có trách nhiệm thanh toán số nợ trên cho anh.

Bị đơn là chị L vắng mặt, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan như ông C, anh T, chị T, anh T vắng mặt tòa án đã công bố các lời khai của những người trên tại phiên tòa.

Anh T tại phiên tòa xác định anh và chị L còn nợ tiền như những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày nêu trên, anh xác định sẽ có trách nhiệm thanh toán cho các chủ nợ. Lời khai của chị L không thừa nhận khai nại số nợ trên đã trả, chị không có trách nhiệm thanh toán, anh T và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vẫn khẳng định vợ chồng anh chị vẫn nợ số nợ như đơn trình bày và yêu cầu tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Lê khắc H, Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thanh Hóa trình bày quan điểm:

Đề nghị Tòa án ghi nhận ý kiến của nguyên đơn, giải quyết về phần tài sản theo nguyện vọng của nguyên đơn đã trình bày. Vì tại bút lục số 258; 259 chị L có ghi tổng nợ và có ký xác nhận đã trả hết số nợ trên nhưng thực tế tại các phiên tòa chị không có chứng cứ gì thể hiện chị đã trả hết số nợ trên, nợ trên một số nợ anh em, một số nợ hàng xóm láng riềng nên đối chiếu với việc đòi nợ là đúng. Đề nghị HĐXX xem xét buộc chị L phải có trách nhiệm trả chung số nợ trên cùng anh T. Đối với yêu cầu của cháu T về phần trích công sức đóng góp trong khối tài sản chung của anh chị phù hợp với những người làm chứng và hiện trạng tài sản đề nghị HĐXX chấp nhận để đảm bảo quyền lợi cho anh T.

Tham gia phiên toà - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hoá có quan điểm như sau:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành, tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Tài sản đề nghị tòa án chia đôi khối tài sản chung là nhà đất của anh T, chị L mỗi người sở hữu một nữa sau khi đã trích công sức đóng góp cho anh T. Chấp nhận khoản các nợ chung của anh T, chị L đang còn nợ những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vì tại bút lục 258; 259 chị L có ghi "Tổng nợ" phù hợp với người kiện đòi tài sản hơn nữa chị L không có chứng cứ đã trả hết số nợ trên vì vậy chị L phải chịu trách nhiệm trả chung số nợ trên với anh T. Tuy nhiện tài sản anh T và chị L ít hơn nghĩa vụ trả nợ nên đề nghị HĐXX không yêu cầu anh T, chị L phải nộp án phí chia tài sản chung.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và thẩm tra công khai tại phiên toà căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đánh giá khách quan toàn diện các chứng cứ, nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hoá, nghe đương sự trình bầy quan điểm sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

Anh Thiều Đình T, anh Lê Đình T, ông Nguyễn Bá C, chị Hoàng Thị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, chị Ngô Thị L là bị đơn trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Về nội dung:

Xét về tài sản chung:

Tài sản chung của anh T, chị L yêu cầu chia là nhà và đất ở thuộc bất động sản, nguồn gốc do vợ chồng tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân gồm: Nhà bằng 2 tầng trị giá: 183.300.000đ; Nhà bếp trị giá: 20.000.000đ; Chuồng lợn trị giá:7.500.000đ; Bán bình trị giá: 8.500.000đ; Đất ở 168m^2 tại thửa 722, tờ bàn đồ số 08, trị giá 83.700.000đ. Tổng cộng trị giá: 315.500.000đ

Xét nhu cầu sử dụng thì thấy cả hai anh chị đều có nhu cầu sử dụng do vậy cần chia đôi bằng hiện vật để đảm bảo nơi ăn chốn ở cho cả hai anh, chị. Xét chia đôi hiện vật là đất và nhà vẫn đảm bảo hai bên có lối đi tách biệt là phù hợp. Do kết cấu nhà chính hai tầng không tách rời được nên chia anh T được ở nhà đất hai tầng đường trước, còn chị L được chia nhà đất và có lối đi đường sau.

Xét công sức đóng góp của anh T là con trai của anh T, chị L: Căn cứ các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án xét thấy việc cháu T có công đóng góp trong khối tài sản chung của anh T, chị L khi đang ở với anh chị là phù hợp, khách quan. HĐXX xác định giá trị công sức đóng góp bằng hiện vật còn lại là 21.000.000đ (hai mốt triệu đồng). Nay anh chị chia tài sản chung, anh T cho anh T hưởng toàn bộ phần đóng góp của anh trong khối tài sản chung của anh T, chị L, anh T đồng ý nhận phần của cháu T cho, do vậy phần anh T được chia nhiều hơn phần của chị L.

Về phần nợ:

Đối với yêu cầu của chị L: Không thừa nhận các khoản còn nợ như anh T khai, chị có khai nại đã thanh toán xong các khoản nợ này, anh T khai còn nợ thì anh T tự trả chị không có trách nhiệm vì không có chữ ký nhận nợ, song tại bút lục số 258; 259 liệt kê các khoản nợ của vợ chồng anh T chị L trong thời kỳ hôn nhân, ngày 29/5/2015 chị L đã ký "xác nhận vợ chồng còn nợ toàn bộ số nợ trên nhưng chúng tôi đã trả hết rồi" như vậy chứng tỏ vợ anh T, chị L có nợ, đối chiếu với việc kiện đòi nợ của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, khai báo các chứng cứ của những người cho vay phù hợp đủ cơ sở khẳng định khoản nợ này anh Th, chị L chưa thanh toán nợ cho những người trên và là nợ chung của anh chị vay để mua đất, làm nhà và làm vốn kinh doanh. Việc chị L nói đã trả hết cho những người trên là không có cơ sở, chị L không có giấy tờ chứng minh việc trả nợ và trả thời gian nào. Vì vậy đối chiếu với các khoản nợ của những người đi đòi nợ anh T, chị L là trùng khớp và khách quan. HĐXX có đủ cơ sở kết luận anh T, chị L đang còn nợ các khoản nợ sau:

1. Nợ gia đình anh Hoàng đình T, chị Phạm Thị N, số tiền đã vay. Tổng cộng gốc và lãi là: 19.290.000đ.

2. Nợ gia đình Chị Hoàng Thị T, số tiền đã vay. Tổng cộng gốc và lãi là: 42.313.500đ.

3. Nợ gia đình anh Phạm Công D, số tiền đã vay. Tổng cộng gốc và lãi là: 55.415.000đ.

4. Nợ gia đình anh Hoàng Xuân T, số tiền đã vay. Tổng cộng gốc và lãi là: 104.190.000đ.

5. Nợ gia đình anh Hoàng Văn K, tiền vận chuyển vật liệu xây dựng gạch, đá, cát số tiền là 47.000.000đ.

6. Nợ gia đình chị Phạm Thị V, anh Hoàng Đình S, số tiền đã vay. Tổng cộng gốc và lãi là: 116.472.000đ

7. Nợ gia đình anh Nguyễn Thế H tiền mua và vận chuyển vật liệu gồm đá 1+ 2 và đá hộc. Tổng cộng là 25.000.000đ

8. Nợ gia đình ông Phạm Đình C số tiền đã vay. Tổng cộng gốc và lãi là: 45.250.000đ.

9. Nợ anh Thiều Đình T số vàng đã vay là 02 chỉ trị giá = 6.000.000đ.

Xét hợp đồng vay, nợ giữa những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và anh T, chị L:

Hợp đồng vay, nợ được thể hiện bằng văn bản không vi phạm điều cấm, lãi suất hai bên thoả thuận không vượt quá mức quy định của pháp luật, yêu cầu đòi nợ và việc tính lãi suất là hoàn toàn phù hợp với điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự. Yêu cầu khởi kiện có căn cứ được chấp nhận, cần buộc anh Thành, chị Lài có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ đã vay.

Đây là nợ chung của vợ chồng, nên cần chia đôi giao cho anh T, chị L có trách nhiệm thanh toán cụ thể cho từng người mà vợ chồng đã vay nợ. Tuy nhiên việc vay, nợ chủ yếu là để mua đất, làm nhà, anh T được chia phần nhà chính chênh lệch giá trị tài sản cao hơn so với phần của chị L do vậy anh T phải đảm nhận nghĩa vụ trả nợ nhiều hơn phần nghĩa vụ của chị L.

Về án phí:

Anh Hoàng Đình T phải chịu án phí chia tài sản anh T phải nộp là 5% giá trị tài sản anh được chia; chị Ngô Thị L phải nộp là 5% giá trị tài sản chi được chia. Tuy nhiên gia trị tài sản được chia ít hơn phần nghĩa vụ phải trả nợ nên anh T, chị L không phải nộp án phí chia tài sản chung nhưng vẫn phải chịu án phí thực hiện nghĩa vụ trả nợ ngang nhau theo điểm b khoản 7 Điều 27 Nghị Quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đối với khoản nợ, yêu cầu khởi kiện của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án được chấp nhận nên không phải nộp án phí và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Anh T có đơn xin miễn, giảm án phí nhưng hiện tại anh có tài sản được chia nên không được miễn, giảm án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 33; 37; 59, Luật hôn nhân gia đình; Điều 466; 468 Bộ luật dân sự. Điều 238; điều 147; điều 227, 228; 271 và điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. điểm b khoản 7 Điều 27 Nghị Quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về tài sản chung và công nợ chung:

1 - Xác định anh Hoàng Đình T, chị Ngô Thị L có khối tài sản chung trị giá 315.500.000đ là đất và công trình nổi trên đất tại thửa 722, tờ bàn đồ số 08 ở Thôn Quang Trung 2, xã Thiệu Tiến, Thiệu Hóa, Thanh Hóa.

2-Chấp nhận một phần yêu cầu của anh Hoàng Đình T có công sức đống góp trong khối tài sản chung của anh T và chị L với số tiền là 21.000.000đ.

3 –Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi nợ của Chị Phạm Thị N, **C**hị Hoàng Thị T, Anh Phạm Công D, anh Hoàng Xuân T, anh Nguyễn Thế H, anh Hoàng Đình S(V), Anh Thiều Đình T, ông Phạm Đình C, anh Hoàng Văn K. Buộc anh Hoàng Đình T, chị Ngô Thị L phải trả khoản nợ đã vay cho các chủ nợ nêu trên.

4-Chia tài sản chung và nợ chung của anh T, chị L cụ thể như sau:

4.1. Anh Hoàng Đình T được quyền sở hữu, sử dụng các tài sản và có trách nhiệm trả nợ cho các chủ nợ đã vay cụ thể:

- Đất ở 99m^2 , có chiều rộng 6m giáp đường liên xã, chiều dài 16,5m tính từ địa phận được cấp giáp đường liên xã đến hết nhà ở hai tầng (Tại Lô số 03, thửa 722 MBQH01/2009 xã Thiệu Tiến, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, có sơ đồ kèm theo) trị giá 44.550.000đ
- Nhà ở hai tầng trị giá 183.000.000đ
- Bán bình trị giá 8.500.000đ.

Tổng cộng anh T được chia trị giá = **236.050.000đ** (Hai trăm ba mươi sáu triệu, không trăm năm mươi ngàn đồng) trong đó có số tiền 21.000.000đ (Hai mốt triệu đồng) của cháu Hoàng Đình T cho riêng anh T.

Anh Hoàng Đình T có trách nhiệm trả nợ cho các chủ nợ đã vay gồm:

1. Trả nợ cho gia đình anh Hoàng đình T, chị Phạm Thị N, số tiền đã vay. Tổng cộng gốc và lãi là: 19.290.000đ.

2. Trả nợ cho gia đình anh Phạm Công D, số tiền đã vay. Tổng cộng gốc và lãi là: 55.415.000đ.

3. Trả nợ cho gia đình anh Hoàng Văn K, tiền vận chuyển vật liệu xây dựng gạch, đá, cát số tiền là 47.000.000đ.

4. Trả nợ cho gia đình chị Phạm Thị V, anh Hoàng Đình S, số tiền đã vay. Tổng cộng gốc và lãi là: 116.472.000đ

5. Trả nợ cho gia đình anh Nguyễn Thế H tiền mua và vận chuyển vật liệu gồm đá 1+ 2 và đá hộc. Tổng cộng là 25.000.000đ

6. Trả nợ cho gia đình ông Phạm Đình C số tiền đã vay. Tổng cộng gốc và lãi là: 45.250.000đ.

7. Trả nợ cho anh Thiều Đình T 02 chỉ vàng trị giá = 6.000.000đ.

8. Trả nợ cho gia đình Chị Hoàng Thị T, số tiền đã vay. Tổng cộng gốc và lãi là: 42.313.500đ

Tổng nợ anh T phải trả là **356.740.500đ**.(Ba trăm năm sáu triệu bảy trăm bốn mươi ngàn năm trăm đồng)

4.2.Chị Ngô Thị L được quyền sở hữu, sử dụng các tài sản và có trách nhiệm trả nợ cho các chủ nợ đã vay cụ thể như sau:

- Đất ở 87m^2 , có chiều rộng 6m giáp đường QH 2,5m, chiều dài 14,5m tính từ địa phận được cấp giáp đường QH 2,5m đến nhà ở hai tầng giáp phần đất ở của anh T (Tại Lô số 03, thửa 722 MBQH01/2009 xã Thiệu Tiến, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, có sơ đồ kèm theo). trị giá 39.150.000đ.
- Khu bếp lợp tôn trị giá 20.000.000đ.
- Nhà tắm + Nhà vệ sinh trị giá 12.500.000đ
- Chuồng lợn trị giá 7.500.000đ.

Tổng cộng chi Ngô Thị L được chia trị giá = **79.150.000đ** (Bảy mươi chín triệu, một trăm năm mươi ngàn đồng)Chị Ngô Thị L phải có trách nhiệm trả nợ cho các chủ nợ đã vay gồm:

Trả nợ cho gia đình anh Hoàng Xuân T, số tiền đã vay. Tổng cộng gốc và lãi là: 104.190.000đ.

Tổng nợ chị L phải trả là **104.190.000đ**.(Một trăn linh bốn triệu một trăm chín mươi nghìn đồng)

Khi bản án có hiệu lực pháp luật thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự, anh Hoàng Đình T, chị Ngô Thị L không tự giác thi hành hoặc thi hành chậm số tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả t- ơng ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 1,2 điều 357, khoản 1,2 Điều 468 Bộ luật dân sự t- ơng ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

Tr- ờng hợp bản án đ- ợc thi hành theo điều 2 luật thi hành án dân sự ng- ời đ- ơc thi hành án, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận việc thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí:

Anh Hoàng Đình T phải nộp 12.268.000đ (trong đó án phí tranh chấp vay tài sản là 11.218.000đ và 1.050.000đ án phí trích công sức đóng góp của anh T) án phí tranh chấp vay tài sản và án phí trích công sức đóng góp của anh T nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Hoàng Đình T đã nộp là 9.325.000đ theo biên lai số AA/2013/ 01529 ngày 05/01/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thiệu Hoá

anh T còn phải nộp tiếp số tiền án phí 2.943.000đ(hai triệu chín trăm bốn ba ngàn đồng).

Chị Ngô Thị L phải nộp 11.218.000đ (mười một hai trăm mười tám ngàn đồng) án phí tranh chấp vay tài sản.

Yêu cầu khởi kiện đòi nợ của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được chấp nhận nên không phải nộp án phí. Trả lại cho:

1. Chị Phạm Thị N tiền tạm ứng án phi đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thiệu Hoá theo biên lai số AA/2013/01617 ngày 16/06/2016, số tiền là 457.837đ,

2. **C**hị Hoàng Thị T tiền tạm ứng án phi đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thiệu Hoá theo biên lai số AA/2013/01618 ngày 16/06/2016, số tiền là 1.057.837đ

3. Anh Phạm Công D tiền tạm ứng án phi đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thiệu Hoá theo biên lai số AA/2013/01621 ngày 16/06/2016, số tiền là 1.282.000đ,

4. Anh Hoàng Xuân T tiền tạm ứng án phi đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thiệu Hoá theo biên lai số AA/2013/01615 ngày 16/06/2016, số tiền là 2.448.000đ,

5. Anh Nguyễn Thế H tiền tạm ứng án phi đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thiệu Hoá theo biên lai số AA/2013/01620 ngày 16/06/2016, số tiền là 625.000đ,

6. Anh Hoàng Đình S tiền tạm ứng án phi đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thiệu Hoá theo biên lai số AA/2013/01619 ngày16/06/2016, số tiền là 2.778.387đ,

7. Anh Thiều Đình T, tiền tạm ứng án phi đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thiệu Hoá theo biên lai số AA/2013/01614 ngày 21/06/2016, số tiền 150.000đ

8. Ông Phạm Đình C, tiền tạm ứng án phi đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thiệu Hoá theo biên lai số AA/2013/01614 ngày 15/06/2016, số tiền là 918.000đ,

9. Anh Hoàng Văn K tiền tạm ứng án phi đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thiệu Hoá theo biên lai số AA/2013/01616 ngày 16/06/2016, số tiền là 1.175.000đ.

Án xử công khai sơ thẩm, anh T, anh K, anh T, ông D, anh T, anh H, chị V, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị L, ông C, anh T, anh T, chị T có quyền kháng cáo trọng hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *VKS Thiệu Hoá*
- *Các đương sự*
- *Thi hành án*
- *Giám đốc án*
- *Lưu hồ sơ*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán
(Đã ký)

Lê Văn Quân